

Hội thảo quốc gia: “CÁC LÝ THUYẾT KINH TẾ CHÍNH TRONG BỐI CẢNH PHÁT TRIỂN MỚI VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ RÚT RA CHO VIỆT NAM”

ĐẶNG XUÂN THANH^(*)
tổng thuật

1. Thế giới vừa trải qua cuộc khủng hoảng tài chính và suy thoái kinh tế toàn cầu lần đầu tiên kể từ sau Chiến tranh thế giới thứ Hai, tác động sâu sắc đến quá trình phát triển của tất cả các quốc gia, đòi hỏi chúng ta phải rà soát, kiểm nghiệm lại một cách căn bản các lý thuyết phát triển, chất lọc, bổ sung những nhân tố hợp lý, từ đó khái quát thành những luận điểm có giá trị. Còn Việt Nam, qua gần 25 năm đổi mới thành công, đang tiến đến một giai đoạn phát triển mới, mang tính bước ngoặt quan trọng, đòi hỏi phải có những giải pháp đột phá, tạo ra sức bật, năng lực và động lực phát triển mới. Trong bối cảnh đó, Hội thảo quốc gia “*Các lý thuyết kinh tế chính trong bối cảnh phát triển mới và những vấn đề rút ra cho Việt Nam*” do Hội đồng Lý luận Trung ương chủ trì được tổ chức tại Quảng Ninh vừa qua là cơ hội để các nhà khoa học cùng trao đổi thảo luận, nhằm nêu lên được những ý tưởng mới, những phát hiện sắc sảo, những câu hỏi và trả lời thật sự thiết thực cho những vấn đề lý luận và thực tiễn đang đặt ra hiện

nay. Hội thảo có sự tham gia của gần 180 đại biểu với 116 bài viết.

Hội thảo đã tập trung thảo luận 3 lý thuyết kinh tế chính: học thuyết Marx, lý luận Keynes, trường phái Tự do mới và khả năng vận dụng các lý thuyết này vào thực tiễn phát triển của Việt Nam. Đây là 3 lý thuyết đóng vai trò trụ cột, có ảnh hưởng sâu sắc nhất đến toàn bộ hệ thống lý luận kinh tế hiện đại, cũng như việc tổ chức và vận hành của tất cả các nền kinh tế.

Các lý thuyết kinh tế chính đều xuất hiện vào những thời điểm lịch sử mang tính bước ngoặt, đáp ứng những đòi hỏi cấp bách của thực tiễn, nắm bắt được các quy luật vận hành mới của hệ thống kinh tế, tạo bước đột phá về tư tưởng, làm thay đổi diện mạo của một thời kỳ hay một thời đại lịch sử. Học thuyết của Marx đã cách mạng hóa thế giới quan của nhân loại, mở ra một thời đại mới – thời đại quá độ từ CNTB lên CNXH và CNCS. Lý luận của Keynes và

^(*) TS., Viện Nghiên cứu Đông Bắc Á.

trường phái Tự do mới đã dẫn dắt những đợt điều chỉnh lớn trong khuôn khổ của CNTB, cứu nguy cho hình thái kinh tế-xã hội này khỏi những giai đoạn khủng hoảng trầm trọng nhất.

Mỗi lý thuyết đều phát triển qua những thăng trầm: giai đoạn thăng thế khi được thực tiễn kiểm chứng, khẳng định, xen kẽ với giai đoạn thoái trào do lý luận trở nên xơ cứng, giáo điều. Thực tế đã chứng tỏ điều này. Sự thất bại của mô hình kinh tế XHCN theo kiểu kế hoạch hóa tập trung, bao cấp ở Liên Xô và nhiều nước XHCN khác chính là do sự vận dụng thiếu biện chứng, máy móc, duy ý chí học thuyết của Marx mà không tính đến hoàn cảnh đã thay đổi. Việc thực hiện các chính sách theo Keynes kéo dài hàng thập niên hướng đến mục tiêu toàn dụng lao động và nhà nước phúc lợi lại dẫn đến tình trạng đình trệ - lạm phát, không những gây thâm hụt ngân sách, mà còn triệt tiêu động lực cạnh tranh, khiến các nền kinh tế TBCN phát triển trở nên trì trệ, và rơi vào khủng hoảng đi kèm lạm phát cao diễn ra trong suốt thập niên 70 – đầu thập niên 80 của thế kỷ XX. Việc áp dụng một cách tràn lan, giáo điều chủ nghĩa Tự do mới dẫn đến tình trạng có quá nhiều thị trường tự do nhưng quá ít kiểm soát nhà nước, dung dưỡng cho sự xuất hiện các tập đoàn đầu sỏ tài chính xuyên quốc gia, lũng đoạn hệ thống ngân hàng, khuếch đại các bong bóng đầu cơ, dẫn đến cuộc khủng hoảng tài chính và suy thoái kinh tế toàn cầu 2008-2009.

Tuy nhiên, sức sống của các lý thuyết kinh tế chính là ở khả năng tự đổi mới, loại bỏ những luận điểm bất cập, không còn phù hợp, bổ sung những tri thức mới đúc rút từ thực tiễn, vượt

qua những giai đoạn thoái trào. Điều cốt lõi làm nên sức sống của các lý thuyết kinh tế lớn là những đóng góp quan trọng về phương pháp luận khoa học: đối với học thuyết Marx – đó là phép duy vật biện chứng và duy vật lịch sử; đối với lý luận của Keynes – đó là phương pháp phân tích kinh tế vĩ mô tập trung vào các tổng lượng lớn, đặc biệt là tổng cầu; đối với trường phái Tự do mới – đó là tư duy thị trường, nhà nước pháp quyền và phân tích tiên tệ. Nhiều luận điểm trong các lý thuyết kinh tế chính có thể mâu thuẫn, loại trừ nhau, nhưng các phương pháp luận của chúng không mâu thuẫn với nhau, mà trái lại còn bổ sung cho nhau. Vì vậy, vấn đề then chốt không phải là phủ nhận sạch trơn hay tuyệt đối hóa một lý thuyết nào, mà là việc vận dụng linh hoạt, sáng tạo những nhân tố hợp lý được chắt lọc từ các lý thuyết khác nhau vào từng hoàn cảnh cụ thể, đặc biệt là các phương pháp luận.

2. Ba vấn đề trung tâm trong học thuyết của Marx, lý luận của Keynes và trường phái Tự do mới là: *quan niệm về giá trị*: xác định thước đo chính trong nền kinh tế; *quan điểm về khủng hoảng*: lý giải vì sao các nền kinh tế lại rơi vào rối loạn; *lý luận về quan hệ giữa nhà nước và thị trường*: chỉ ra cơ chế vận hành hiệu quả của nền kinh tế. Đây cũng chính là những vấn đề mà giữa các lý thuyết kinh tế chính có sự khác biệt cơ bản. Việc giải quyết 3 vấn đề then chốt này như thế nào sẽ quyết định mô thức phát triển kinh tế, đặc biệt là định hướng chính trị, kết cấu sở hữu, chế độ phân phối, hạ tầng thể chế, v.v...

Vấn đề giá trị, mỗi lý thuyết kinh tế nhấn mạnh đến một khía cạnh của khái

niệm giá trị. Cơ sở của học thuyết kinh tế của Marx là lý luận về giá trị sức lao động, theo đó lao động là nguồn gốc của mọi của cải, giá trị sức lao động là nội dung bên trong, là cơ sở để hình thành mọi giá trị sử dụng và giá cả thị trường - cái luôn vận động, biến đổi xoay quanh giá trị và chịu tác động của quy luật cung - cầu, cạnh tranh. Cốt lõi trong quan điểm của Keynes không phải là giá trị sức lao động, mà là sự ổn định của giá trị tổng sản lượng và hệ quả của nó là vấn đề việc làm. Trong khi đó, mối quan tâm chính của các nhà Tự do mới không phải là giá trị sức lao động, cũng không phải là giá trị tổng sản lượng, mà là mức giá cả, tức là vấn đề lạm phát, theo đó tiền tệ được xem là đóng vai trò trung tâm, quyết định sự vận hành của toàn bộ nền kinh tế. Vấn đề giá trị trở nên phức tạp với việc hình thành nền kinh tế thông tin-tri thức. Do giá trị ngày càng gắn với thông tin, nên có xu hướng ngày càng thoát ly giá trị sản xuất và giá trị sử dụng. Sự bùng nổ thông tin lại thúc đẩy sự bùng nổ của lĩnh vực dịch vụ, đặc biệt là lĩnh vực tài chính - tiền tệ hay còn gọi là “kinh tế ảo” trên quy mô toàn cầu trong điều kiện hệ thống thể chế quản trị kinh tế thông tin-tri thức, cả ở tầm quốc gia lẫn quốc tế, vẫn còn rất sơ khai. Quy luật về giá trị phải được tư duy lại trong bối cảnh mới đó.

Quan niệm về việc giá trị nào đóng vai trò nền tảng sẽ quyết định ưu tiên chính trị của mỗi luận thuyết kinh tế. Quan niệm giá trị sức lao động là nền tảng đề cao lĩnh vực sản xuất vật chất, chế độ phân phối theo lao động, vai trò tiên phong của giai cấp công nhân. Quan niệm nhấn mạnh vai trò của giá trị tổng sản lượng dẫn đến việc đề cao

vai trò của tổng cầu, đặc biệt là vai trò của nhà nước trong việc tái phân bổ các nguồn vốn xã hội thông qua ngân sách. Quan niệm cho rằng giá cả thị trường có vai trò quyết định dẫn đến việc đề cao vai trò chi phối của thị trường.

Về vấn đề khủng hoảng kinh tế, theo Marx, mâu thuẫn cơ bản của CNTB – giữa tính chất xã hội ngày càng tăng của sản xuất và hình thức chiếm hữu tư nhân TBCN về tư liệu sản xuất – là nguyên nhân sâu xa dẫn đến khủng hoảng kinh tế mang tính chu kỳ ngày càng mạnh. Do quy luật cạnh tranh, tích lũy tư bản ngày càng tăng, tập trung kinh tế ngày càng lớn, trong khi tỷ suất lợi nhuận bình quân ngày càng giảm, nạn thất nghiệp, sự bần cùng hóa lao động và sự suy giảm sức cầu ngày càng tăng sẽ dẫn đến khủng hoảng thừa. Trong ngắn hạn và trung hạn, các cuộc khủng hoảng này có thể được làm dịu đi bằng các giải pháp tài khóa, tiền tệ, nhưng về dài hạn, tất yếu sẽ dẫn đến tổng khủng hoảng và sự sụp đổ của CNTB. Theo Keynes, vấn đề “lượng cầu bị gác lại” do người tiêu dùng có xu hướng chi tiêu ít dần phần thu nhập tăng thêm làm cho tổng cầu luôn tụt lại so với tổng cung, dẫn tới hệ quả: dư thừa cung, cắt giảm đầu tư, thất nghiệp và khủng hoảng. Chính sách kích thích kinh tế theo lý thuyết Keynes hướng tới việc ngăn chặn và rút ngắn giai đoạn suy giảm tăng trưởng, ổn định hóa hoạt động kinh tế và phục hồi giai đoạn tăng trưởng, phồn vinh. Do đó, khác với tính chất cách mạng của học thuyết Marx, lý thuyết Keynes không kêu gọi thay đổi nền tảng sở hữu tư nhân, mà chỉ tìm cách sửa chữa một số khuyết tật của thị trường, đặc biệt là nạn thất nghiệp. Trường phái Tự do mới gắn khủng

hoảng kinh tế với sự sụt giảm mạnh bất thường trong mức cung tiền tệ mà ngân hàng trung ương không bù đắp kịp. Nỗ lực trấn áp lạm phát bằng việc mở rộng can thiệp của nhà nước, tăng cường kiểm soát giá cả và tiền lương trên thực tế sẽ chỉ càng làm tê liệt cơ chế thị trường, đẩy nền kinh tế lún sâu vào khủng hoảng. Nhà nước cần giữ mức giá ổn định, duy trì một tỷ lệ tăng cung tiền không đổi gần với tỷ lệ tăng trưởng tiềm năng, và thực hiện chính sách trọng cung bằng cách cắt giảm thuế.

Như vậy, phương pháp luận của học thuyết Marx cho phép lý giải căn nguyên và dự báo về các cuộc khủng hoảng lớn của CNTB, nhưng không chứa đựng các biện pháp trực tiếp “chữa trị” khủng hoảng cho CNTB. Trong khi đó, lý luận Keynes và trường phái Tự do mới tuy cung cấp các giải pháp cụ thể về tài khóa, tiền tệ để xử lý các cuộc khủng hoảng kinh tế, nhưng không giải quyết mâu thuẫn căn bản của CNTB. Cần nhận thức rõ sự khác biệt này giữa các lý thuyết kinh tế chính để vận dụng, ứng phó với các cuộc khủng hoảng kinh tế trong quá trình xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam.

Về mối quan hệ giữa nhà nước và thị trường, theo học thuyết Marx, giai cấp vô sản “tổ chức thành nhà nước”, tập trung mọi tư liệu sản xuất vào tay mình và điều hành toàn bộ nền kinh tế bằng kế hoạch, là động lực chính cho sự phát triển của lực lượng sản xuất. Từ đây, có ý kiến cho rằng, học thuyết Marx hoàn toàn phủ nhận kinh tế thị trường và đề xuất mô hình kinh tế kế hoạch hóa tập trung chỉ thích hợp trong những hoàn cảnh lịch sử nhất định như chiến tranh, thiên tai, rối loạn xã hội,...

Trên thực tế, với chính sách kinh tế mới (NEP), Lenin đã bổ sung cho học thuyết Marx, mở ra khả năng áp dụng (ở mức độ hạn chế) cơ chế thị trường trong điều kiện xây dựng CNXH. Lý luận của Keynes bác bỏ khả năng tự điều chỉnh, tự cân bằng của cơ chế thị trường, khẳng định vai trò của nhà nước trong nền kinh tế nhằm khắc phục những bất ổn từ hoạt động thị trường. Trong điều kiện cơ chế thị trường rối loạn, thậm chí tê liệt, nhà nước là lực lượng duy nhất có khả năng tác động vào tổng cầu thông qua chính sách mở rộng tài khóa và nới lỏng tiền tệ nhằm tạo đủ lượng cầu có khả năng thanh toán. Thực chất, đây là sự cố gắng điều chỉnh các quan hệ sản xuất TBCN đang gặp khó khăn thông qua việc mở rộng vai trò can thiệp của nhà nước, hạn chế độc quyền tư nhân, tăng cường phúc lợi xã hội. Trường phái Tự do mới, một mặt, đề cao tính chất ổn định của cơ chế thị trường, mặt khác cho rằng hoạt động kinh tế của nhà nước không chỉ phân bổ thiếu hiệu quả các nguồn lực, mà còn làm méo mó cơ cấu kinh tế, triệt tiêu động lực kinh doanh, nuôi dưỡng tệ quan liêu, tham nhũng. Vì thế, cần cho phép thị trường tự do vận hành, còn nhà nước chỉ nên tự giới hạn trong việc bảo đảm một khuôn khổ pháp luật ổn định cho hoạt động của thị trường. Thuế khóa, lãi suất, chi tiêu công, thậm chí cả cung ứng tiền tệ đều không phải là các công cụ hiệu quả để can thiệp, điều tiết kinh tế. Cần duy trì tỷ lệ tăng cung tiền ổn định gần với mức tăng trưởng dài hạn của nền kinh tế và thực hiện chính sách trọng cung bằng cách cắt giảm thuế (kéo theo giảm vai trò của nhà nước).

3. Quan điểm cho rằng, CNXH chỉ có công hữu và kế hoạch hóa tập trung,

còn CNTB chỉ có tư hữu và thị trường tự do là cách hiểu phiến diện, thiếu tính biện chứng. Trên thực tế, tất cả các nền kinh tế đều ít nhiều mang tính chất hỗn hợp, trong đó thể chế nhà nước và thể chế thị trường cùng phối hợp và cạnh tranh với nhau trong việc phân bổ các nguồn lực kinh tế.

Vấn đề sở hữu liên quan chặt chẽ với quan niệm về giá trị. Đây là phạm trù mang tính công cụ, không phải là mục tiêu hay định hướng phát triển. Hội thảo đạt được sự thống nhất cao về tính chất đa sở hữu của nền kinh tế Việt Nam. Nhiều học giả đồng tình với quan điểm chỉ nên xác định 2 chế độ sở hữu: công hữu và tư hữu, và tương ứng với chúng, nền kinh tế nên được phân chia thành hai khu vực: khu vực kinh tế nhà nước và khu vực kinh tế tư nhân.

Vấn đề hiệu quả của khu vực kinh tế nhà nước, đặc biệt là các doanh nghiệp nhà nước được nhiều tác giả đề cập. Nhìn chung, các ý kiến đều thống nhất rằng, cần thiết lập cơ chế kiểm soát hoạt động của khu vực kinh tế nhà nước, đảm bảo khuôn khổ thể chế thị trường ổn định, có hiệu lực cao cho hoạt động của các doanh nghiệp nhà nước, bình đẳng với các doanh nghiệp kinh tế tư nhân.

Việc tái cấu trúc nền kinh tế cần hướng tới mô hình phát triển bền vững, có cân đối vĩ mô chắc chắn, nhấn mạnh yêu cầu hiệu quả và chất lượng tăng trưởng, dựa vào tiến bộ khoa học-công nghệ và nâng cao năng suất lao động. Trước mắt tập trung vào giải quyết một cách căn bản 3 “nút thắt” tăng trưởng là hạ tầng cơ sở yếu kém, nguồn nhân lực chất lượng thấp và thể chế kinh tế thiếu đồng bộ nhằm tăng cường sức cạnh

tranh quốc tế, chuyển dịch nhanh lên các nấc thang cao hơn trong chuỗi giá trị khu vực và toàn cầu.

Các tham luận tập trung phân tích một số mô hình kinh tế thị trường có định hướng xã hội như của Nhật Bản, Đức, Trung Quốc và Singapore. Nhìn chung, các mô hình này thống nhất ở các điểm sau. *Thứ nhất*, định hướng xã hội là chiều cạnh phát triển quan trọng. Các mô hình kinh tế thị trường có định hướng xã hội là những chỉnh thể kinh tế - chính trị - xã hội thống nhất, chứ không phải là sự lắp ghép máy móc các yêu cầu xã hội vào phát triển kinh tế. *Thứ hai*, các nền kinh tế có định hướng xã hội xử lý tốt hơn các mâu thuẫn về quan hệ sản xuất, đặc biệt là mâu thuẫn chủ - thợ, đảm bảo tốt hơn chất lượng tăng trưởng, đặc biệt là vấn đề môi trường, chất lượng hàng hóa, có mức độ ổn định cao và ứng phó tốt hơn trước các cuộc khủng hoảng kinh tế. *Thứ ba*, để bảo đảm định hướng xã hội, nhà nước phải đóng vai trò quan trọng, không chỉ ở mức độ can thiệp vào nền kinh tế, mà còn tái phân bổ một phần đáng kể GDP thông qua ngân sách nhà nước nhằm đảm bảo thực hiện các mục tiêu xã hội. Thị trường cũng phải chia sẻ trách nhiệm xã hội thông qua việc tham gia xây dựng hệ thống bảo hiểm và mạng lưới an sinh xã hội.

4. Cuộc khủng hoảng kinh tế-tài chính toàn cầu vừa qua đã xáo trộn vị trí của các học thuyết kinh tế lớn. Biến cố này càng khẳng định tính đúng đắn của học thuyết Marx, đặc biệt là những giá trị cơ bản về lý luận và phương pháp luận. Trong bối cảnh mới, học thuyết Marx tiếp tục đóng vai trò nền tảng, dẫn dắt dòng chủ lưu tư duy kinh tế.

Thời đại quá độ từ CNTB lên CNXH và CNCS mà học thuyết Marx đã chỉ ra là một tiến trình lịch sử lâu dài. Thực tế đã chứng tỏ, trong chặng đường đầu của tiến trình đó, để thúc đẩy lực lượng sản xuất phát triển, phải khai thác triệt để những điểm mạnh vốn có của cơ chế thị trường; đặc biệt phải không ngừng hoàn thiện mô hình kinh tế thị trường định hướng XHCN. Vì vậy, trên cơ sở học thuyết của Marx, chúng ta cần tiếp thu một cách sáng tạo những nhân tố hợp lý từ các lý thuyết kinh tế Cổ điển, Keynes, Tự do mới,... Để xây dựng mô hình phát triển cho Việt Nam, một mặt cần kế thừa có phê phán những tinh hoa trí tuệ của nhân loại, vận dụng một cách sáng tạo, chứ không áp đặt một cách máy móc, những tinh hoa lý luận của thế giới, mặt khác cần bám sát thực tiễn, bổ sung, đổi mới lý luận bằng những hiểu biết mới đúc rút từ thực tiễn. Cần làm rõ những luận điểm vẫn còn nguyên giá trị của học thuyết Marx, đổi mới những luận điểm không còn phù hợp với thực tiễn hiện nay, xử lý có hiệu quả mối quan hệ giữa nhà nước và thị trường, giữa các vấn đề kinh tế và các vấn đề xã hội, giữa toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế... mở ra khả năng giải quyết các nguy cơ khủng hoảng tài chính, năng lượng, lương thực và môi trường, đặt nền móng cho việc hình thành mô thức phát triển mới bền vững hơn.

Kinh nghiệm 25 năm đổi mới thành công của Việt Nam cho thấy, trong chặng đường đầu của thời kỳ quá độ lên CNXH, để thúc đẩy lực lượng sản xuất phát triển, *một mặt* phải khai thác triệt để những thể mạnh vốn có của cơ chế

thị trường, tạo lập đồng bộ các thị trường, hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN. *Mặt khác*, cơ chế thị trường chưa hoàn thiện, tiềm ẩn nhiều bất ổn, đặc biệt là thị trường đất đai, thị trường tài chính,... phải được bổ sung bằng sự điều tiết của Nhà nước, nhằm phân bổ nhanh chóng và hiệu quả các nguồn lực kinh tế, khắc phục các khuyết tật của thị trường, thực hiện công bằng xã hội, bảo đảm phát triển nhanh và bền vững.

Chu kỳ kinh tế là một thuộc tính cố hữu của kinh tế thị trường. Nền kinh tế thị trường định hướng XHCN của Việt Nam cũng không nằm ngoài quy luật đó. Vì vậy, trong điều kiện toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, cần nâng cao năng lực dự phòng, ứng phó với các tình huống khủng hoảng, xuất phát cả từ bên trong lẫn bên ngoài, đặc biệt là năng lực dự báo và dự trữ quốc gia, hạn chế đến mức tối đa các tác động tiêu cực về mặt xã hội của chu kỳ suy giảm kinh tế thông qua vai trò chủ đạo của kinh tế nhà nước, của hệ thống an sinh xã hội, và của cả hệ thống chính trị trong việc bảo đảm sự đồng thuận xã hội và đại đoàn kết toàn dân tộc.

Kinh nghiệm ứng phó thành công với cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu của Việt Nam cho thấy, cần phát huy cao độ ưu thế của chế độ XHCN, đặc biệt là vai trò lãnh đạo của Đảng trong việc hoạch định đường lối đúng đắn, vai trò điều hành của Chính phủ trong việc chỉ đạo thực thi chính sách một cách quyết liệt, vai trò trụ cột của khu vực kinh tế nhà nước trong việc duy trì ổn định vĩ mô và phục hồi tăng trưởng kinh tế.